

CÔNG TY CỔ PHẦN NỘI THẤT TVL
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN NỘI THẤT TVL

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TVL FURNITURE JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: TVL.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0108955975

3. Ngày thành lập: 23/10/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 20TT10B khu đô thị Văn Quán, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0947 173 186

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
2.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
3.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
4.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
5.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
6.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1394
7.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
8.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
9.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
10.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
11.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
12.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
13.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
14.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
15.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
16.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
17.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
18.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
19.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
20.	Sửa chữa thiết bị khác	3319

21.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
22.	Xây dựng nhà để ở	4101
23.	Xây dựng nhà không để ở	4102
24.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
25.	Xây dựng công trình điện	4221
26.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
27.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
28.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
29.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
30.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
31.	Phá dỡ	4311
32.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
33.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
34.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
35.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
36.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
37.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
38.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Trừ hoạt động đấu giá	4511
39.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
40.	Bán mô tô, xe máy Chi tiết: Trừ hoạt động đấu giá	4541
41.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
42.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa - Môi giới mua bán hàng hóa	4610
43.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
44.	Bán buôn thực phẩm	4632
45.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
46.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
47.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
48.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
49.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Trừ hoạt động kinh doanh vàng miếng	4662
50.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
51.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
52.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
53.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931

54.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
55.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
56.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
57.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
58.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
59.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
60.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Hoạt động tư vấn đầu tư	6619
61.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Tư vấn bất động sản	6820
62.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110(Chính)
63.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
64.	Quảng cáo	7310
65.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
66.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu	7490
67.	Cho thuê xe có động cơ Chi tiết: Cho thuê ô tô	7710
68.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230

6. Vốn điều lệ: 9.000.000.000 VNĐ

Chín tỷ đồng

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 900.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN KHẮC VIỆT	Căn hộ 1201-T1-CT01, Tòa nhà TSQ-EUROLAND, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	288.000	2.880.000.000	32,000	0010860253 51	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	288.000	2.880.000.000	32,000		
2	TRẦN VĂN THI	Xóm 14, Xã Hồng Thuận, Huyện Giao Thủy, Tỉnh Nam Định, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	180.000	1.800.000.000	20,000	162731584	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	180.000	1.800.000.000	20,000		

3	PHÙNG THẾ KHUƠNG	Khu 13, thôn Kim Bí, Xã Tiên Phong, Huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	162.000	1.620.000.000	18,000	112299016
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	162.000	1.620.000.000	18,000	
4	TRẦN VĂN LONG	Xóm 14, Xã Hồng Thuận, Huyện Giao Thủy, Tỉnh Nam Định, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	270.000	2.700.000.000	30,000	C4236468
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	270.000	2.700.000.000	30,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN KHẮC VIỆT

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 23/10/1986

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001086025351

Ngày cấp: 31/07/2018

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Căn hộ 1201-T1-CT01, Tòa nhà TSQ-EUROLAND, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Căn hộ 1201-T1-CT01, Tòa nhà TSQ-EUROLAND, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội